

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 12-4-2022.  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP  
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Tấn Dũng.
2. Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Kim Thị H, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Kim T, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2021 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Kim Thị H, trình bày: Chị và anh T cưới nhau vào năm 2005, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện HN, tỉnh ĐT. Hôn nhân do quen biết trước 01 năm. Sau khi cưới chị và anh T cùng lên Thành phố Hồ Chí Minh làm hơn 10 năm thì chị về quê sinh sống còn anh T thì ở lại làm. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc đến năm

2015 thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị và anh T chung sống không hợp nhau và có mâu thuẫn về chuyện tình cảm trong gia đình như anh T không tin tưởng chị hay ghen tuông vô cớ, nói chị quen người này, người nọ, làm chuyện bậy bạ, chị và anh T thường cự cãi nhau, đồng thời chị không còn tình cảm với anh T. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh T không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm, vì mỗi lần gặp nhau là vợ chồng cự cãi. Anh T đi làm Thành phố Hồ Chí Minh hàng tháng cũng có về nhà thăm gia đình nhưng chị và anh T không có ngủ chung hay ăn cơm chung, mạnh ai nấy sống, trong lúc Tòa án giải quyết vụ án thì anh T lấy điện thoại của chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Kim T.

Bị đơn anh Trần Kim T, trình bày: Anh và chị H cưới nhau vào năm 2005. Hôn nhân do tự tìm hiểu trước. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện HN, tỉnh DT. Sau khi cưới thì vợ chồng lên Thành phố Hồ Chí Minh làm việc và sinh sống. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc. Không nhớ ngày tháng năm 2020 chị H dọn về quê sinh sống để chăm sóc con chung, anh cũng thường xuyên về thăm vợ con. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có cãi vã vài lần, anh cũng có đánh chị H vài lần nhưng không quá 05 lần, mỗi lần chỉ đánh một bạt tay. Cho đến khoảng tháng 8 năm 2021 trong thời gian dịch bệnh anh ít về nhà hơn, chị H ở quê đi chơi với bạn bè, uống rượu bia nên anh có la rầy chị H, anh nói anh không có ở nhà nên hạn chế đi chơi nhưng chị H giận anh đòi ly hôn, chị H cũng giận anh gì lý do là anh ít về thăm cha mẹ vợ. Có lần chị H về quê thăm gia đình, không biết quen biết ai nhưng khi chị H trở về nhà thì anh thấy chị H thường xuyên nhắn tin qua lại, anh tức giận nên đập bể điện thoại của mình và bể sim điện thoại của chị H, mục đích là để chị H không liên lạc với người khác và có thể là đến chết không về quê vợ, anh có hỏi chị H là nhắn tin cho ai thì chị H trả lời là bạn nhưng không nói bạn như thế nào là nam hay nữ, ở đâu hay nhắn tin về chuyện gì nhưng chị H cũng ít cầm điện thoại nhắn tin, anh cũng có lấy điện thoại của chị H kiểm tra, do anh mở khóa được mặt khóa điện thoại nên chị H cũng ít nhắn tin cho người khác. Anh không có trực tiếp chứng kiến chị H có quan hệ tình cảm với người khác, chỉ đọc được tin nhắn chị H, chị H xưng hô anh em với người khác, trong khi nói chuyện với anh thì xưng hô “ông với tôi”. Cũng vì chuyện này mà mỗi lần anh và chị H cự cãi nhau đều nhắc lại. Khi anh đập điện thoại và bể sim cũng không thấy chị H xin lỗi hay giải thích với anh một lời.

Từ tháng 8 năm 2021 thì anh gọi điện thoại về nhưng chị H ít chịu nghe điện thoại của anh, anh có về quê 01 lần để dự đám cưới người cháu và có gặp để năn nỉ

hàn gắn tình cảm nhưng chị H vẫn kiên quyết ly hôn. Cha mẹ vợ hay tin chị H yêu cầu ly hôn với anh, cũng có khuyên nhủ chị H nhưng không được. Từ tháng 12 năm 2021 mỗi lần anh về nhà thăm vợ con thì không có ngủ chung với chị H cũng không ăn cơm chung, khi Tòa án hòa giải anh có lấy điện thoại nhưng không có đuổi chị H ra khỏi nhà, chỉ nói “muốn làm gì thì đi xứ khác làm, đừng làm ở xứ này, làm mất mặt các con”. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh nhưng anh không thống nhất ly hôn vì còn thương chị H, không muốn hai con chung phải khổ, khi cha mẹ ly hôn. Anh biết hiện tại chị H sai nhưng lại nghĩ là mình không làm sai nên anh cương quyết không bỏ vợ, nếu anh bỏ vợ thì anh còn sai hơn.

## 2. Về nuôi con chung:

Nguyên đơn chị Kim Thị H, trình bày: Chị và anh T chung sống với nhau có hai con chung, con gái tên Trần Kim Tú S, sinh ngày 22/6/2007 và con trai tên Trần Thiên P, sinh ngày 04/02/2017, vì chị và anh T đều đi làm xa nên hiện hai con chung đang sinh sống cùng nhau ở quê. Khi nộp đơn khởi kiện thì chị làm công nhân của công ty Thái Dương ở thị trấn T, huyện HN, lương mỗi tháng 4.000.000đ, trừ chi phí sinh hoạt cá nhân thì chị không biết mỗi tháng còn lại được bao nhiêu tiền nhưng 4.000.000đ đủ để 03 mẹ con chị sinh sống nhưng hiện tại chị đi làm ở Bình Dương thu nhập mỗi tháng 8.000.000đ, từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 cho đến nay cũng như khi chị làm đơn xin ly hôn với anh T thì mỗi tháng anh T gửi cho chị từ 4.000.000đ đến 6.000.000đ để chị nuôi dưỡng 02 con chung, nếu sau khi ly hôn, anh T không cấp dưỡng nuôi con thì chị vẫn có khả năng nuôi dưỡng 02 con chung. Anh T làm công dân tại Thành phố Hồ Chí Minh, lương mỗi tháng cũng được 7.000.000đ – 8.000.000đ. Tại phiên tòa chị thống nhất giao hai con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng cho hai con chung là 2.000.000đ, nếu anh T không đồng ý nuôi dưỡng hai con chung thì chị yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Trần Kim T, trình bày: Anh thống nhất những gì chị H trình bày về con chung, khi Tòa án hòa giải thì anh thống nhất giao con gái Trần Kim Tú S, sinh ngày 22/6/2007 và con trai tên Trần Thiên P, sinh ngày 04/02/2017 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng nhưng chị H thống nhất giao hai con chung cho anh nuôi dưỡng thì anh thống nhất nuôi dưỡng 02 con chung và đồng ý chị H cấp dưỡng mỗi tháng cho hai con chung là 2.000.000đ.

3. Về chia tài sản chung: Chị H và anh T thống nhất trình bày: Anh chị chung sống với nhau có một căn nhà cấp 4, có diện tích chiều ngang 4,5m chiều

dài 18m, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT; 01 chiếc xe hiệu honda, số loại Vario 125 có biển kiểm soát 66G1-669.11, 01 chiếc xe hiệu Yamaha, số loại Sirius F1 có biển kiểm soát 66G1-402.16, anh Trần Duy C mượn 10.000.000đ nhưng đã trả cho chị H xong. Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản nào khác. Khi Tòa án hòa giải thì chị H, anh T thống nhất thỏa thuận chị H được sở hữu căn nhà và chiếc xe có biển số 66G1-669.11 và số tiền 10.000.000đ anh C nợ, còn chiếc xe Sirius F1 có biển số 66G1-402.16 thì cho con gái Tú S sở hữu. Tại phiên tòa, chị H, anh T thống nhất thỏa thuận, anh T được sở hữu nhà, để cùng hai con chung sinh sống. Về chia tài sản chung chị H, anh T đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định của Tòa án nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H và anh T thống nhất trình bày: Anh chị chung sống không có thiếu nợ ai cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Kim Thị H được ly hôn với anh Trần Kim T, giao hai con chung Trần Kim Tú S, sinh ngày 22/6/2007 và Trần Thiên P, sinh ngày 04/02/2017 cho anh T nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ cho hai con chung. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Kim Thị H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện HN yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị với anh Trần Kim T. Hiện anh T đang cư trú tại khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Kim Thị H và anh Trần Kim T được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 24, ngày

02/3/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét, yêu cầu ly hôn của chị Kim Thị H là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống chị H, anh T đã có mâu thuẫn với nhau là thật. Anh T không đồng ý ly hôn, vì còn thương chị H và không muốn hai con chung phải khổ. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị H và anh T đoàn tụ nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn, vì không còn tình cảm với anh T, mặt khác anh T cũng thừa nhận từ tháng 5 năm 2021 mặc dù mỗi lần anh T đi làm về quê vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không ăn cơm chung, ngủ chung và mạnh ai người đó sống, vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn tình cảm. Điều này, cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chị H yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Kim Thị H được ly hôn với anh Trần Kim T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc nuôi con chung, chị Kim Thị H và anh Trần Kim T thống nhất thỏa thuận, anh T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Trần Kim Tú S, sinh ngày 22/6/2007 và Trần Thiên P, sinh ngày 04/02/2017, chị H cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Xét, việc thỏa thuận giữa chị H, anh T là tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về chia tài sản chung: Chị Kim Thị H và anh Trần Kim T đã tự thỏa thuận xong nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về nợ chung: Chị Kim Thị H và anh Trần Kim T thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Kim Thị H chịu 300.000đ án phí ly hôn, 300.000đ án phí cấp dưỡng, tổng cộng 600.000đ được trừ

vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0003808 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN, chị H còn phải nộp tiếp 300.000đ là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Kim Thị H. Cho chị Kim Thị H được ly hôn với anh Trần Kim T.

2. Về việc nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Kim Thị H và anh Trần Kim T.

2.1 Anh Trần Kim T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Trần Kim Tú S, sinh ngày 22/6/2007 và Trần Thiên P, sinh ngày 04/02/2017.

2.2 Chị Kim Thị H hàng tháng cấp dưỡng cho hai con chung Trần Kim Tú S, sinh ngày 22/6/2007 và Trần Thiên P, sinh ngày 04/02/2017, mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ/2 con chung, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2022 cho đến khi con chung Tú S, Thiên P đủ 18 tuổi.

2.3 Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Kim Thị H chịu 300.000đ án phí ly hôn, 300.000đ án phí cấp dưỡng, tổng cộng 600.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0003808 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN. Chị H còn phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/4/2022).

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Nguyễn Thị Thùy Dung**